TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/KDTM-ST
Ngày: 11-9-2023.
"V/v Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Triệu Quốc Hiếu**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Sơn Thanh Huyền**.
2. Ông: **Nguyễn Văn Cơ Ba**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Phan Thị Trúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST – KDTM ngày 27 tháng 12 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *N đơn*: **Ngân hàng thương mại cổ phần Q (NCB)**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 25 L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như K, chức vụ: Giám đốc trung tâm-Trung tâm xử lý nợ NCB.

Địa chỉ: Số 3D-3E, đường H, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Như K là anh Võ Hoàng N – sinh năm: 1992 (giấy ủy quyền ngày 20/10/2022) (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: 1/ Ông **Lê Văn L** – sinh năm: 1959 (vắng mặt)

2/ Bà **Nguyễn Thị H** – sinh năm: 1963 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2022 và trong quá trình xét xử, N đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q do anh Võ Hoàng N đại diện trình bày:*

Vào ngày 07/9/2021 và ngày 09/9/2022, Ngân hàng thương mại cổ phần Q có cho ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị H vay tổng số tiền 5.000.000.000đồng (năm tỷ đồng), lãi suất cho vay là 11%/năm, thông qua 02 hợp đồng hạn mức cho vay số: 329/21/HĐHM-9382 ngày 07/9/2021 (Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/329/21/HĐHM-9382 ngày 07/9/2021) và hợp đồng hạn mức cho vay số: 329/21/HĐHM-9382 ngày 07/9/2021 (Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 002/KUNN/329/21/HĐHM-9382 ngày 09/9/2021), mục đích để bổ sung vốn kinh doanh. Hai hợp đồng hạn mức vay nêu trên đều do vợ chồng ông L, bà H cùng trực tiếp ký tên.

Cùng thời điểm ký hết hai hợp đồng hạn mức, ông L và bà H có ký 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 329/21/HĐTC-9382 ngày 07/9/2021 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 329A/21/HĐTC-9382 ngày 09/9/2021 để đảm bảo nghĩa vụ vay với các tài sản bảo đảm bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa 71, tờ bản đồ số 27, diện tích 351,6m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thửa đất có 152,8m^2 thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông đường bộ Quốc Lộ 53 và công trình xây dựng là 01 căn nhà cấp 04, diện tích 140m^2.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa 359, tờ bản đồ số 27, diện tích 474,8m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thửa đất có 200,6m^2 thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông đường bộ Quốc Lộ 53 và công trình xây dựng là 01 căn nhà cấp 04, diện tích 200m^2.

Hai thửa đất nêu trên cùng tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ khi vay cho đến nay ông L và bà H có trả được vốn và lãi như sau:

+ Đối với hợp đồng hạn mức 329/21/HĐHM-9382(Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/329/21/HĐHM-9382 ngày 07/9/2021) đã trả được số vốn 1đ và lãi là 234.694.997đ, tổng cộng vốn và lãi là 234.694.998đ. Còn nợ lại vốn là 1.999.999.999đ và lãi là 8.811.853đ, phạt nợ gốc quá hạn 128.424.657đ, phạt lãi chậm trả 301.375đ, tổng cộng vốn và lãi là 2.137.538.284đ.

+ Đối với hợp đồng hạn mức 329/21/HĐHM-9382(Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 002/KUNN/329/21/HĐHM-9382 ngày 09/9/2021) đã trả được số vốn 0đ và lãi là 381.945.205đ, tổng cộng vốn và lãi là 381.945.205đ. Còn nợ lại vốn là 3.000.000.000đ và lãi là 15.410.959đ, phạt gốc quá hạn 189.554.796đ, phạt lãi chậm trả 519.329đ tổng cộng vốn và lãi là 3.205.485.084đ.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu ông Lê Văn L và Nguyễn Thị H trả số tiền nợ vay của hai hợp đồng hạn mức số 329/21/HĐHM-9382 (Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/329/21/HĐHM-9382 ngày 07/9/2021) và hợp đồng hạn mức cho vay số: 329/21/HĐHM-9382 (Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 002/KUNN/329/21/HĐHM-9382 ngày 09/9/2021) với số tiền vốn vay là 4.999.999.999đ (bốn tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng) và

tính đến ngày 11/9/2023 với số tiền lãi trên dư nợ gốc là 24.222.811đ (hai mươi bốn triệu hai trăm hai mươi hai nghìn tám trăm mười một đồng), lãi chậm trả gốc quá hạn là 947.260.274đ (chín trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng), lãi chậm trả lãi là 2.447.019đ (hai triệu bốn tẳm bốn mươi bảy nghìn một trăm lẽ chín đồng), tổng cộng vốn và lãi là 5.973.930.103đ (năm tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu chín trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi đồng), tiếp tục tính lãi cho đến ngày trả hết nợ theo lãi suất của hai hợp đồng hạn mức.

Trường hợp ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý nợ không đủ thự hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông L và bà H có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà H thừa nhận vào năm 2021, bà H và chồng là ông Lê Văn L có vay số tiền 5.000.000.000đ của Ngân hàng thương mại cổ phần Q, lãi suất 11%/năm, mục đích để kinh doanh. Nay bà H đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

** Đối với bị đơn ông Lê Văn L:*

Ông Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm phát biểu: Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của luật tố tụng dân sự quy định; N đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Buộc ông L và H có nghĩa vụ trả số tiền nợ vốn vay là 4.999.999.999đ và tính đến ngày 11/9/2023 với số tiền lãi trên dư nợ gốc là 24.222.811đ, lãi chậm trả gốc quá hạn là 947.260.274đ, lãi chậm trả lãi là 2.447.019đ , tổng cộng vốn và lãi là 5.973.930.103đ, tiếp tục tính lãi cho đến ngày trả hết nợ theo lãi suất của hai hợp đồng hạn mức.

Trường hợp ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý nợ không đủ thự hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông L và bà H có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

Án phí: Buộc bị đơn nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng thương mại cổ phần Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Xét thấy, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu ông L và bà H trả số tiền nợ vay của hai hợp đồng 02 hợp đồng hạn mức cho vay số: 329/21/HĐHM-9382 ngày 07/9/2021 (Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/329/21/HĐHM-9382 ngày 07/9/2021) và hợp đồng hạn mức cho vay số: 329/21/HĐHM-9382 ngày 07/9/2021 (Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 002/KUNN/329/21/HĐHM-9382 ngày 09/9/2021 với tiền vốn vay là 4.999.999.999đ và tính đến ngày 11/9/2023 với số tiền lãi trên dư nợ gốc là 24.222.811đ, lãi chậm trả gốc quá hạn là 947.260.274đ, lãi chậm trả lãi là 2.447.019đ, tổng cộng vốn và lãi là 5.973.930.103đ, tiếp tục tính lãi cho đến ngày trả hết nợ theo lãi suất của hai hợp đồng hạn mức.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận bà và ông L có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Q và đồng ý trả số tiền vay theo yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q nên yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q là có cơ sở chấp nhận.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền tính lãi phát sinh theo lãi suất của hai hợp đồng hạn mức số 329/21/HĐHM-9382 ngày 07/9/2021 (Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/329/21/HĐHM-9382 ngày 07/9/2021) và hợp đồng hạn mức cho vay số: 329/21/HĐHM-9382 ngày 07/9/2021 (Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 002/KUNN/329/21/HĐHM-9382 ngày 09/9/2021) cho đến khi ông Lọc và bà H trả hết nợ.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo 02 hợp đồng thế chấp tài sản số 329/21/HĐTC-9382 ngày 07/9/2021 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 329A/21/HĐTC-9382 ngày 09/9/2021 trong trường hợp ông L, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý nợ không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông L và bà H có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 700.000đ. Buộc ông L và bà H phải nộp để hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã nộp tạm ứng trước.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc ông L và bà H phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[5] Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Buộc ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền nợ vay của hai hợp đồng hạn mức cho vay số: 329/21/HĐHM-9382 ngày 07/9/2021 (Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/329/21/HĐHM-9382 ngày 07/9/2021) và hợp đồng hạn mức cho vay số: 329/21/HĐHM-9382 ngày 07/9/2021 (Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 002/KUNN/329/21/HĐHM-9382 ngày 09/9/2021 với tiền vốn là 4.999.999.999đ và và tính đến ngày 11/9/2023 với số tiền lãi trên dư nợ gốc là 24.222.811đ (hai mươi bốn triệu hai trăm hai mươi hai nghìn tám trăm mười một đồng), lãi chậm trả gốc quá hạn là 947.260.274đ (chín trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng), lãi chậm trả lãi là 2.447.019đ (hai triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm lẽ chín đồng), tổng cộng vốn và lãi là 5.973.930.103đ (năm tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu chín trăm ba mươi nghìn một trăm lẽ ba đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền tính lãi phát sinh theo hai hợp đồng hạn mức cho vay số: 329/21/HĐHM-9382, ngày 07/9/2021 (Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/329/21/HĐHM-9382 ngày 07/9/2021) và hợp đồng hạn mức cho vay số: 329/21/HĐHM-9382 ngày 07/9/2021 (Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 002/KUNN/329/21/HĐHM-9382 ngày 09/9/2021 cho đến khi ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị H trả hết nợ.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo hai hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 329/21/HĐTC-9382 ngày 07/9/2021 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng

đất số 329A/21/HĐTC-9382 ngày 09/9/2021 trong trường hợp ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý nợ không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

* Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng). Buộc ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị H phải nộp để trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng thương mại cổ phần Q không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.564.000đ (năm mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai số N^0 0009036 ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Buộc ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.974.000đ (một trăm mười ba triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Quốc Hiếu